

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 634/2025/DS-PT

Ngày: 26 - 11 - 2025

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Yên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Như Lạc – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2025/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1867/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

+ Ông Mai Văn H, sinh năm 1964, (có mặt);

+ Bà Trần Thị Mỹ L1, sinh năm 1972, (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: tổ A, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (nay là tổ A, khóm L, phường L, tỉnh An Giang).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Mỹ L1: ông Mai Văn H, sinh năm 1964 (theo giấy ủy quyền ngày 04/3/2022), (có mặt).

2. Bị đơn:

- + Ông Mai Nghĩa H1, sinh năm 1948, (có mặt);
- + Ông Mai Thanh T, sinh năm 1975, (có mặt);
- + Bà Mai Thị H2, sinh năm 1981, (có mặt);
- + Bà Mai Thị Hạnh P, sinh năm 1978, (vắng mặt);

Cùng cư trú: tổ A, ấp L, xã L, thị xã T, tỉnh An Giang (nay là tổ A, ấp L, xã T, tỉnh An Giang).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Nghĩa H1, bà Mai Thị Hạnh P: bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1965; Nơi cư trú: ấp L, xã L, thị xã T, tỉnh An Giang (nay là ấp L, xã T, tỉnh An Giang), (có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh An Giang), (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ D, ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn - ông Mai Nghĩa H1, ông Mai Thanh T, bà Mai Thị H2, bà Mai Thị Hạnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguồn gốc đất tranh chấp là đất hương hỏa, diện tích khoảng 2000m² loại đất nông nghiệp và vườn tạp, tọa lạc tại ấp L, xã L, thị xã T, tỉnh An Giang, do cha là cụ Mai Văn N (sinh năm 1918, mất năm 2005) và mẹ là cụ Trương Thị D (sinh năm 1919, mất năm 2012) tạo lập và sử dụng. Sau khi cụ N cụ D qua đời, thực hiện theo di chúc do cha, mẹ để lại, các anh em trong gia đình thống nhất giao cho ông H sử dụng canh tác và giữ gìn đất hương hỏa. Ông H quản lý sử dụng đất ổn định, đến ngày 16 tháng 9 năm 2019 ông H và vợ là bà L1 được Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CH09786, thửa 669, tờ bản đồ số 38, diện tích 2.042,1 m², đất tọa lạc tại ấp L, xã L, thị xã T, tỉnh An Giang (Sau đây gọi tắt là GCNQSDĐ số CH9786). Quá trình sử dụng phát hiện đất được cấp có một phần diện tích căn nhà và chuồng bò của bà H2 (con ông H1) chồng lấn ranh khoảng 46 m². Trong phần đất chồng lấn có khoảng 20m² là diện tích nhà và 26m² là diện tích chuồng bò. Thấy việc xây cất chuồng bò gây ảnh hưởng khu vực mồ mả nên ông H yêu

cầu ông H1, bà H2 tháo dỡ để xây tường bao bọc ngăn mùi hôi thối nhưng phía ông H1 không đồng ý dẫn đến tranh chấp. Sự việc được chính quyền xã hòa giải nhưng không thành. Sau đó ông H khởi kiện yêu cầu buộc tháo dỡ chuồng bò xây cất trên phần diện tích chông lán, trả lại quyền sử dụng đất khoảng 26m² cho ông quản lý sử dụng. Riêng phần diện tích căn nhà chông lán 20m² thì ông chưa yêu cầu tháo dỡ. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là “Tờ di chúc thứ nhất” và “Tờ di chúc thứ hai” cùng ngày 25 tháng 10 năm Ấ (1985), do cụ N, cụ D lập, nội dung thể hiện phần đất hương hỏa do người con thứ hai tên Mai Văn T2 và con út tên Mai Văn H quản lý sử dụng dùng vào việc thờ cúng. Tuy nhiên, di chúc không được chính quyền địa phương xác nhận hoặc cơ quan công chứng chứng thực. Nay ông H, bà L1 yêu cầu ông H1, ông T, bà H2, bà P tháo dỡ chuồng bò trả lại diện tích đất chông lán.

* *Bị đơn ông Mai Nghĩa H1 trình bày:* Cha mẹ ông tạo lập được khoảng 60 công đất sản xuất nông nghiệp, quá trình sử dụng cha mẹ đã chia cho các con. So với các anh em khác trong gia đình, ông là người có công sức nhiều nhất nên được cha cho diện tích khoảng 15 công. Trong phần đất hương hỏa đang tranh chấp, ông được cha cho khoảng 800m², nhưng phía ông H đã kê khai đăng ký quyền sử dụng cả phần diện tích căn nhà của con ông là Mai Thị H2 và diện tích chuồng bò. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện buộc tháo dỡ chuồng bò của ông H. Ông yêu cầu ông H giao trả lại cho ông diện tích khoảng 800m² đất, đồng thời ông xác định việc cấp GCNQSDĐ cho ông H chưa đúng quy định pháp luật nên yêu cầu hủy giấy.

Đồng bị đơn gồm ông Mai Thanh T, Mai Thị H2, Mai Thị Hạnh P thống nhất ý kiến trình bày của ông H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị xã T do bận công tác, nên có đơn yêu cầu vắng mặt các phiên họp, phiên xử của Tòa án. Về nội dung: thực hiện theo quyết định của Tòa án trong phạm vi chức năng nhiệm vụ quản lý Nhà nước lĩnh vực đất đai.

Tại Bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 17/01/2025 và Bản vẽ hiện trạng khu đất bổ sung ngày 17/5/2025 do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ (Sau đây gọi tắt là Bản vẽ hiện trạng khu đất) xác định: Diện tích chông lán căn nhà tại các điểm 70, 28, 64, 76 và diện tích chuồng bò tại các điểm 76, 64, 66, 78. Ngoài ra, còn thể hiện mồ mả, vật kiến trúc và các tài sản khác có trên đất. Đôi bên thống nhất bản vẽ hiện trạng khu đất tranh chấp, xác định làm căn cứ giải quyết vụ án.

Qua hòa giải tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý rút lại yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: Đồng ý để bị đơn tiếp tục sử dụng diện tích 46,9m² tại các điểm 70, 28, 64, 65, 66, 78 theo Bản vẽ hiện trạng khu đất, trong đó có một phần diện tích căn nhà

là 20m², một phần diện tích chuồng bò và đất trống là 26m²; nguyên đơn đồng ý thực hiện điều chỉnh biến động giảm diện tích quyền sử dụng đất GCNQSDĐ số CH09786; tự nguyện chịu phần chi phí tố tụng đã tạm ứng nhưng không đồng ý cùng chịu khoản chi phí tố tụng của bị đơn đã tạm ứng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đồng ý rút yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn giao trả quyền sử dụng đất 800m²; giữ nguyên yêu cầu hủy GCNQSDĐ số CH09786 cấp cho ông H, bà L1. Yêu cầu nguyên đơn cùng chịu trách nhiệm hoàn trả chi phí tố tụng bị đơn tạm ứng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; Điều 217, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

- Khoản 1 Điều 26, điểm a, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn H đòi ông Mai Nghĩa H1, Mai Thanh T, Mai Thị H2, Mai Thị Hạnh P tháo dỡ diện tích chuồng bò trả quyền sử dụng đất. Công nhận sự tự nguyện của ông Mai Văn H cho ông Mai Nghĩa H1, Mai Thanh T, Mai Thị H2, Mai Thị Hạnh P tiếp tục sử dụng diện tích 46,9m² tại các điểm 70, 28, 64, 65, 66, 78. Ông Mai Văn H, bà Trần Thị Mỹ L1 tiếp tục sử dụng diện tích 1995,2m² tại các điểm 70, 28, 64, 65, 66, 78, 47, 71, 45, 44, 43, 19, 20, 68 theo Bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 17/5/2025 thuộc GCNQSDĐ số CH09786 do UBND thị xã T cấp cho ông Mai Văn H, bà Trần Thị Mỹ L1.

Đình chỉ yêu cầu của ông Mai Nghĩa H1 buộc ông Mai Văn H giao trả quyền sử dụng đất 800m².

Ông Mai Văn H, ông Mai Nghĩa H1 có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chỉnh lý biến động đất đai theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Mai Nghĩa H1, Mai Thanh T, Mai Thị H2, Mai Thị Hạnh P về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH09786 ngày 16/9/2019, do UBND thị xã T cấp cho ông Mai Văn H, bà Trần Thị Mỹ L1.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/6/2025, các bị đơn ông Mai Nghĩa H1, ông Mai Thanh T, bà Mai Thị H2, bà Mai Thị Hạnh P có đơn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm xét xử không phù hợp, gây bất lợi cho bị đơn, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Nghĩa H1, bà Mai Thị Hạnh P - bà Đỗ Thị T1 trình bày: Tại hòa giải cấp cơ sở, bị đơn đã đề xuất cho mỗi bên chia đều diện tích để đôi bên cùng hài hòa, không tiếp tục tranh chấp nữa nhưng ông H không đồng ý. Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị đơn đã rút lại một phần yêu cầu để các bên có thể hóa giải mâu thuẫn, có cơ hội hòa giải với nhau. Nếu ông Mai Văn H tiếp tục không đồng ý, các bị đơn tiếp tục yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét về mặt di chúc, ông H đi đăng ký là không hợp pháp, do đó yêu cầu của bị đơn là có căn cứ. Việc đo đạc lần qua nhà của bà H2 mà không có sự chứng kiến hay chữ ký của bà H2 khi đo đạc, ký tứ cạnh giáp ranh là trái quy định. Văn phòng đăng ký đất đai cấp sai trình tự, thủ tục, đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Yêu cầu hủy giấy của ông H vì ông H lấn đất của ông H1 khoảng 800m². Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Các bị đơn ông Mai Nghĩa H1, ông Mai Thanh T, bà Mai Thị H2 thống nhất với ý kiến bà Đỗ Thị T1, không trình bày gì thêm.

Nguyên đơn ông Mai Văn H trình bày: Không đồng ý với ý kiến của bà T1, về đo đạc nguyên đơn đã đồng ý làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự

đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án số 30/2025/DS-ST ngày 20/6/2025 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm, của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về hình thức đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 30/6/2025 bị đơn gồm các ông bà: Mai Thanh T, Mai Thị H2, Mai Thị Hạnh P và Mai Nghĩa H1 kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 20/6/2025 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

[1] Về thẩm quyền xét xử: Căn cứ Điều 37, 38 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đúng thẩm quyền xét xử.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, cấp sơ thẩm đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp.

[4] Về nội dung:

Nguồn gốc đất tranh chấp: là của cha mẹ của nguyên đơn và bị đơn là ông Mai Văn N và bà Trương Thị D để lại, diện tích khoảng 60 công đất tọa lạc tại ấp L, xã L, thị xã T. Cha mẹ đã chia đất cho các con canh tác, sử dụng, phần bị đơn được hưởng khoảng 15 công. Đối với phần hương hỏa diện tích khoảng 02 công. Theo di chúc của cụ N, cụ D giao cho ông H quản lý sử dụng. Tại 2 tờ di chúc đều có chữ ký của ông H1 và các anh em trong gia đình. Trên đất có mồ mả ông bà và người thân trong gia tộc. Ông H quản lý, sử dụng đất ổn định và hàng năm dùng hoa lợi trên đất vào việc thờ cúng.

Quá trình sử dụng đất, ông H và bà L1 được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 2042,1m².

Nguyên đơn rút lại yêu cầu đòi quyền sử dụng diện tích một phần căn nhà và chuồng bò, đồng ý để bị đơn tiếp tục sử dụng diện tích đất chồng lấn là 46,9m². Bị đơn rút lại yêu cầu đòi nguyên đơn trả lại 800m² đất. Như vậy, còn lại yêu cầu của bị đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH09786 do ông H, bà L1 đứng tên trên giấy chứng nhận.

Ông H1 (bị đơn) không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết tại 2 tờ di chúc cùng ngày 25 tháng 10 năm Ất Sửu (1985) và chữ ký tại phiếu lấy ý kiến ngày 04/3/2019. Mặc dù di chúc không có xác nhận của ủy ban nhân dân xã hoặc công chứng, chứng thực nhưng di chúc thể hiện ý chí của cụ N, cụ D và các người con về việc giao quản lý, sử dụng đất hương hỏa. Trên thực tế, các anh em đều được cha mẹ chia đất canh tác. Ông H là người được giao trực tiếp quản lý sử dụng đất hương hỏa và thờ cúng.

Mặc dù quá trình cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông H, bà L1 có sai sót chồng lấn diện tích dẫn đến tranh chấp quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, ông H đã đồng ý để bị đơn tiếp tục sử dụng phần đất chồng lấn bao gồm căn nhà và chuồng bò diện tích 46,9m², đồng ý điều chỉnh biên động giảm giấy chứng nhận QSDĐ là có lợi cho bị đơn. Việc nguyên đơn rút yêu cầu đòi quyền sử dụng diện tích chồng lấn đã chấm dứt nguyên nhân dẫn đến tranh chấp. Xét thấy ông H quản lý sử dụng phần đất hương hỏa là thực hiện theo ý chí của cha mẹ thể hiện qua “Tờ di chúc thứ nhất” và “Tờ di chúc thứ hai” cùng ngày 25 tháng 10 năm Ất Sửu (1985). Ông H có quá trình sử dụng đất ổn định và thực hiện tốt nghĩa vụ của người sử dụng đất; đất được cấp đúng đối tượng và không thuộc quy hoạch công trình giao thông. Do đó, yêu cầu của bị đơn hủy giấy chứng nhận QSDĐ số CH09786 là không có cơ sở để xem xét, chấp nhận.

Cấp sơ thẩm đã tuyên xử hai bên có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chỉnh lý biên động đất đai theo quy định của pháp luật.

[5] Nhận định của Hội đồng xét xử: Xét thấy, cấp sơ thẩm đã xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được những chứng cứ nào khác ngoài những chứng cứ đã thu thập được ở cấp sơ thẩm nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Mai Nghĩa H1 được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm do là người cao tuổi. Các ông (bà) Mai Thanh T, Mai Thị H2 và Mai Thị Hạnh P phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị đơn: Mai Nghĩa H1, Mai Thanh T, Mai Thị Hạnh P và Mai Thị H2.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 20/6/2025 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Mai Nghĩa H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Các ông (bà) Mai Thanh T, Mai Thị H2 và Mai Thị Hạnh P mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000142, 0000143, 0000144 cùng ngày 29/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VCTVKSXXPT tại TP Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- THADS tỉnh An Giang (1);
- Đương sự (7);
- Lưu VP(6), HS(2), 20b (LMA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Văn Yên